BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10181/BTC-CĐKT V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập	*Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017*

Kính gửi:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, ngành;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Các doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán.

HỎA-TỐC

VĂN PHÒNG ... TÂY NINH
ĐẾN Số: 2541
Ngày: 7/8/17
Chuyển: phú cường

Sau khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội công bố ngày 20/11/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kế toán, Bộ Tài chính triển khai nghiên cứu, soạn thảo Nghị định thay thế Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Nghị định này được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, kế thừa các quy định của Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, đề nghị Quý đơn vị có ý kiến tham gia vào dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập *(Dự thảo kèm theo)*.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán) ***trước ngày 10/8/2017*** để Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CĐKT. (100b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /TTr - BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán độc lập

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chương trình công tác của Chính phủ năm 2017, thực hiện kế hoạch triển khai các Nghị định hướng dẫn Luật Kế toán, trong đó đối với Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập; lấy ý kiến các Bộ, ngành, trên cơ sở đó dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập (Dự thảo kèm theo) thay thế Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013. Bộ Tài chính xin báo cáo một số nội dung liên quan đến dự thảo Nghị định như sau:

I. Sự cần thiết phải xây dựng Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Về cơ bản, Nghị định 105/2013/NĐ-CP đã đi vào cuộc sống với các mức xử phạt được quy định phù hợp, các hình thức nội dung vi phạm, thẩm quyền xử phạt đã được cụ thể và chi tiết. Các hình thức vi phạm trong lĩnh vực kế toán được quy định phù hợp với nội dung quy định của Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xã hội của giai đoạn tương ứng. Với những ưu điểm trên, trong 4 năm qua Nghị định 105/2013/NĐ-CP đã trở thành căn cứ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước trong ngành tài chính tiếp tục thực hiện củng cố và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động của các cấp ngân sách, các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quản lý.

Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay, bản thân quy định hiện hành trong Nghị định 105/2013/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế sau:

- Đối với lĩnh vực kế toán, Luật kế toán 2003 đã được thay thế bằng Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kế toán. Đối với lĩnh vực kiểm toán, trong năm

2016 Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng. Ngoài ra, sau gần 4 năm triển khai thực hiện đã phát sinh một số tồn tại, như: các hành vi vi phạm hành chính trong việc hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán; việc thi và cấp chứng chỉ kế toán viên, chứng chỉ kiểm toán viên; cập nhật kiến thức cho kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề; quy định sử dụng dịch vụ kế toán, kiểm toán qua biên giới,... hoặc chưa được quy định đầy đủ; hoặc cần được xem xét, hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu mới.

- Mức phạt quy định trong Nghị định là phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Nghị định này áp dụng cho nhiều loại hình đơn vị, cá nhân khác nhau, mức độ vi phạm cũng chênh lệch khá lớn, vì vậy khung và mức xử phạt cần được nghiên cứu quy định đầy đủ, phù hợp để có thể có căn cứ vận dụng thực hiện, đảm bảo tính khả thi đối với các trường hợp vi phạm, đối tượng vi phạm thuộc các đơn vị, địa bàn khác nhau.

- Cần xác định các hành vi thuộc phạm vi có thể xử lý vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, các hành vi cần được xử lý theo luật chuyên ngành về quản lý nhà nước, đảm bảo tính bao quát, phù hợp và công bằng giữa các đơn vị, tổ chức, cá nhân. Trong đó lưu ý các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và các hình thức khắc phục, cần xem xét khả năng và điều kiện thực tế khi triển khai thực hiện, đặc biệt là đối với các hình thức khắc phục.

- Nghị định xử phạt vi phạm hành chính có phạm vi rất rộng, có nhiều hành vi vi phạm khác nhau liên quan chặt chẽ đến các lĩnh vực khác, như thuế, chứng khoán, chống rửa tiền, công bố thông tin báo cáo. Vì vậy việc quy định đồng bộ các hành vi phạm, hình thức và mức xử phạt là cần thiết để các quy định pháp luật không mâu thuẫn, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

- Đối với các hành vi vi phạm trùng lắp cũng cần được đưa ra nguyên tắc xử phạt hợp lý để đảm bảo một hành vi chỉ được xử phạt 1 lần, nhưng đảm bảo tính hiệu quả, tránh xử lý hình thức.

- Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Nghi định quy định rất rõ thẩm quyền của Thanh tra tài chính và của Ủy ban nhân dân các cấp. Tuy nhiên trên thực tế, tính khả thi chưa cao do chưa có cơ quan chuyên trách sâu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán tham gia thực hiện xử lý vi phạm. Quy trình xử lý phải thông qua quy trình các bước giữa các cơ quan khác nhau, trong giới hạn thời gian nên không đảm bảo tính khả thi.

Từ thực tế nêu trên, cần phải triển khai nghiên cứu, soạn thảo Nghị định thay thế Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013 của Chính phủ để phù hợp với các quy định pháp lý về kế toán, kiểm toán hiện hành và yêu cầu thực tế hiện nay.

II. Quan điểm và nguyên tắc xây dựng Nghị định

- Nghị định cần được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản quy định có liên quan đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc xây dựng Nghị định cần được kế thừa các quy định của Nghị định quy định xử phạt trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hiện hành (Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013) và nội dung tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện tại các đơn vị, địa phương trong thời gian qua.

- Nghị định cần quy định rõ ràng từng hành vi, mức độ xử phạt, trong đó xác định rõ nội dung, tính chất hành vi vi phạm của từng lĩnh vực kế toán, kiểm toán và bố trí theo các phần phù hợp để thuận tiện cho việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện cũng như kiểm tra, giám sát.

III. Quá trình soạn thảo

Thực hiện kế hoạch xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo Nghị định theo Quyết định số 511/QĐ-BTC ngày 21/3/2017, đảm bảo các thành viên từ các cơ quan, đơn vị có liên quan. Căn cứ các quy định mới về kế toán, kiểm toán độc lập, các đánh giá về thực tế triển khai Nghị định 105/2013/NĐ-CP, Ban soạn thảo đã dự thảo Nghị định và các tài liệu liên quan theo quy trình ban hành văn bản pháp luật.

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải để xin ý kiến bạn đọc trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính (từ ngày / /2017); lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (văn bản số... ngày / /2017).

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và ý kiến bạn đọc, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý các nội dung của dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Chính phủ theo đúng quy định về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Kết cấu và nội dung cơ bản của Nghị định

1. Về bố cục Nghị định:

Nghị định được kết cấu thành 5 Chương:

- *Chương I:* Những quy định chung, bao gồm 6 điều, từ Điều 1 đến Điều 6.

- *Chương II:* Hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, hình thức xử phạt và mức xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm 28 điều, từ Điều 7 đến Điều 34.

- *Chương III:* Hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, hình thức xử phạt và mức xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm 34 điều, từ Điều 35 đến Điều

68.

- *Chương IV:* Thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, bao gồm 4 điều từ Điều 69 đến Điều 72.

- *Chương V:* Điều khoản thi hành, bao gồm 2 điều, từ Điều 73 đến Điều 74.

2. Một số nội dung cơ bản của Nghị định:

2.1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

(1) Các hình thức xử phạt chính:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền:

- Thu hồi giấy phép, đình chỉ hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

(2) Các hình thức phạt bổ sung:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán;

- Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức.

2.2. Khung phạt tiền:

Khung phạt tiền được xây dựng trên cơ sở kế thừa từ Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/9/2013, theo đó mức phạt tiền cao nhất áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng, đảm bảo theo quy định về mức phạt tiền cao nhất theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với mức phạt tiền thấp nhất được tăng từ 500.000 đồng lên 1.000.000 đồng, để đảm bảo tính răn đe các đối tượng vi phạm.

2.3. Xác định hành vi vi phạm và mức xử phạt trong lĩnh vực kế toán

Các hành vi vi phạm và mức phạt cụ thể được quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định, như sau:

(1) Nhóm hành vi vi phạm trong công tác kế toán, gồm:

- Hành vi vi phạm quy định về chứng từ kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về sổ kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về tài khoản kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và công khai báo cáo tài chính;

- Hành vi vi phạm quy định về sao chụp, niêm phong tài liệu kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản;

- Hành vi vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán;

- Hành vi vi phạm quy định về áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác;

- Hành vi vi phạm trong việc tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.

(2) Nhóm hành vi vi phạm quy định trong việc thi và cấp chứng chỉ kế toán viên;

(3) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề;

(4) Nhóm hành vi vi phạm về đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán;

(5) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

(6) Nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam;

(7) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng dịch vụ kế toán qua biên giới;

(8) Nhóm hành vi vi phạm quy định về thông báo và báo cáo;

(9) Nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

2.4. Xác định hành vi vi phạm và mức xử phạt trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

Các hành vi vi phạm và mức phạt cụ thể được quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định, như sau:

(1) Nhóm hành vi vi phạm trong việc thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên;

(2) Nhóm hành vi vi phạm quy định về đăng ký hành nghề kiểm toán và giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

(3) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên;

(4) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cấp, quản lý và sử dụng giấy chứng

nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

(5) Nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

(6) Nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm toán;

(7) Nhóm hành vi vi phạm quy định về tính độc lập;

(8) Nhóm hành vi vi phạm quy định về đơn vị được kiểm toán;

(9) Nhóm hành vi vi phạm quy định về hồ sơ kiểm toán;

(10) Nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng;

(11) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

(12) Nhóm hành vi vi phạm quy định về thông báo và báo cáo;

(12) Nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.

2.5. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Dự thảo quy định người có thẩm quyền lập biên bản hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập bao gồm:

(1) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

(2) Công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động kế toán, kiểm toán đang thi hành công vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

2.6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

(1) Thẩm quyền của cơ quan kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán

- Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán có thẩm quyền phạt cảnh cáo đối với cá nhân và tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

- Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán (người có chức danh cấp vụ, cục) có thẩm quyền phạt tiền tối đa đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

(2) Thẩm quyền của Thanh tra tài chính:

Dự thảo quy định thẩm quyền của thanh tra tài chính đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập theo 3 cấp:

- Thanh tra viên tài chính các cấp có quyền xử phạt cảnh cáo đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

- Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền xử phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính.

- Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền xử phạt phạt cảnh cáo và phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này (100.000.000 đồng).

(3) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp:

Do lĩnh vực kiểm toán đòi hỏi chuyên môn sâu và phức tạp hơn lĩnh vực kế toán, vì vậy dự thảo quy định thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp cũng khác nhau đối với từng lĩnh vực, cụ thể như sau:

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) chỉ có quyền xử phạt trong lĩnh vực kế toán. Thẩm quyền được xử phạt cảnh cáo và phạt tiền tối đa đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, tối đa 10.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính.

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thì chỉ có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Thẩm quyền được xử phạt cảnh cáo và phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính.

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) thì có quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cả lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Thẩm quyền được xử phạt cảnh cáo và phạt tiền mức 100.000.000 đồng.

V. Giải trình việc tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ ngành, Địa phương, Hiệp hội, Doanh nghiệp

Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của .... Bộ, ngành, ý kiến của ..... UBND tỉnh, Thành phố, ý kiến của ..... Tập đoàn, Tổng công ty, ý kiến của ..... Hiệp hội nghề nghiệp, ... ý kiến của Doanh nghiệp kiểm toán. Hầu hết các ý kiến tham gia đều thống nhất với dự thảo Nghị định, một số ý kiến đã được Bộ Tài chính tiếp thu chỉnh sửa, một số ý kiến khác Bộ Tài chính có giải trình (Bản Tổng hợp giải trình việc tiếp thu ý kiến kèm theo).

VI. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Ngày / /2017, Bộ Tài chính có công văn số ...../BTC-CĐKT gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị thẩm định chính thức dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Đến ngày / /2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số ...../BTP-PLHSHC về việc thẩm định dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm

toán độc lập. Bộ Tư pháp đã nhất trí về sự cần thiết nghiên cứu, ban hành Nghị định. Dự thảo Nghị định đã được nghiên cứu soạn thảo công phu, theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp. Các ý kiến cụ thể của Bộ Tư pháp đã được tiếp thu cụ thể vào dự thảo Nghị định, một số ý kiến khác Bộ Tài chính xin giải trình như sau:

....

Trên đây là Tờ trình của Bộ Tài chính về Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Kính trình Chính phủ xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ CĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

Dự thảo lần 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH1D3 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 03 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) vi phạm quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán độc lập trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và những cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 2 năm;

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 1 năm;

3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

4. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

5. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền:

Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 100.000.000 đồng. Đối với tổ chức vi phạm thì mức phạt tiền bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng hành vi vi phạm hành chính.

c) Thu hồi giấy phép, đình chỉ hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

2. Các hình thức phạt bổ sung trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán như sau:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán;

b) Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức.

Điều 5. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kế toán bao gồm:

a) Buộc phải hủy các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp;

b) Buộc khôi phục lại các chứng từ kế toán;

c) Buộc phải bổ sung vào sổ kế toán;

d) Buộc phải khôi phục lại sổ kế toán;

đ) Buộc nộp và công khai báo cáo kiểm toán đính kèm báo cáo tài chính;

e) Bổ nhiệm hoặc thuê người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán có đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

g) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kiểm toán độc lập bao gồm:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn.

Điều 6. Áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan

Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến kế toán, kiểm toán độc lập không được quy định tại Nghị định này mà đã được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo các văn bản pháp luật đó.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chứng từ kế toán

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chứng từ kế toán khi chưa đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán;

c) Ký chứng từ bằng mực màu đỏ, mực phai màu;

d) Ký chứng từ bằng đóng dấu chữ ký khắc sẵn;

đ) Chứng từ chi tiền không ký theo từng liên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán;

b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký;

c) Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký;

d) Chữ ký của một người không thống nhất hoặc không đúng với sổ đăng ký mẫu chữ ký;

đ) Chứng từ kế toán không có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ;

e) Không dịch chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

b) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

c) Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

d) Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

đ) Lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

e) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán trước khi kết thúc thời hạn lưu trữ theo quy định;

g) Thực hiện chi tiền khi chứng từ chi tiền chưa có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải hủy các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp cho một nghiệp vụ quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại các chứng từ kế toán đã hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.

Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sổ kế toán

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập sổ kế toán không ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; thiếu chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; không đánh số trang; không đóng dấu giáp lai giữa các trang trên sổ kế toán (trường hợp đơn vị lựa chọn ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử thì không phải đóng dấu giáp lai);

b) Sổ kế toán không có các nội dung chủ yếu theo quy định;

c) Sổ kế toán không ghi bằng bút mực, ghi xen thêm vào phía trên hoặc phía dưới, ghi chồng lên nhau, ghi cách dòng; không gạch chéo phần trang sổ không ghi; không thực hiện việc cộng số liệu tổng cộng khi ghi hết trang sổ, không thực hiện việc chuyển số liệu tổng cộng trang sổ trước sang đầu trang sổ kế tiếp;

d) Không đóng thành quyển sổ riêng cho từng kỳ kế toán hoặc không có đầy đủ chữ ký và đóng dấu theo quy định sau khi in ra giấy trừ các loại sổ không bắt buộc phải in theo quy định đối với trường hợp đơn vị lựa chọn lưu trữ sổ kế toán trên phương tiện điện tử.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sổ kế toán không được ghi kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo các nội dung chủ yếu theo quy định;

b) Sửa chữa sai sót trên sổ kế toán không theo đúng phương pháp quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

b) Không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán;

c) Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán năm trước liền kề hoặc sổ kế toán ghi không liên tục từ khi mở sổ đến khi khóa sổ;

d) Không thực hiện việc khóa sổ kế toán trong các trường hợp mà pháp luật về kế toán quy định phải khóa sổ kế toán;

đ) Không in sổ kế toán ra giấy sau khi khóa sổ trên phương tiện điện tử đối với các loại sổ phải in theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên;

b) Giả mạo, khai man sổ kế toán;

c) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa sổ kế toán;

d) Cố ý để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị hoặc có liên quan đến đơn vị kế toán;

đ) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán trước khi kết thúc thời hạn lưu trữ theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải bổ sung vào sổ kế toán đối với các vi phạm quy định tại điểm d Khoản 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại các sổ kế toán đã hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tài khoản kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hạch toán không đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán;

b) Sửa đổi nội dung, phương pháp hạch toán của tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc mở thêm tài khoản kế toán thuộc nội dung phải được chấp thuận của Bộ Tài chính mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không áp dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán quy định cho ngành và lĩnh vực hoạt động của đơn vị;

b) Không thực hiện đúng hệ thống tài khoản đã được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Sử dụng từ hai hệ thống tài khoản kế toán cho mục đích kế toán tài chính.

Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và công khai báo cáo tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm tối đa không quá 03 tháng so với thời hạn quy định;

b) Công khai báo cáo tài chính chậm không quá 03 tháng so với thời hạn quy định;

c) Báo cáo tài chính không có chữ ký của người lập hoặc kế toán trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung trọng yếu theo quy định;

b) Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

c) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đính kèm báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính.

d) Thực hiện việc công khai báo cáo tài chính chậm từ 03 tháng trở lên so với thời hạn quy định;

đ) Công khai báo cáo tài chính không kèm theo báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán báo cáo tài chính;

e) Nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm từ 03 tháng trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập báo cáo tài chính theo quy định;

b) Lập báo cáo tài chính không đúng với số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán;

c) Lập và trình bày báo cáo tài chính không tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán;

d) Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

đ) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

e) Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;

g) Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật;

h) Cung cấp, công bố các báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong một kỳ kế toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp và công khai báo cáo kiểm toán đính kèm báo cáo tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, đ, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sao chụp, niêm phong tài liệu kế toán

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sao chụp tài liệu kế toán không đúng theo quy định của pháp luật;

b) Không thành lập Hội đồng và không lập "Biên bản để xác định các tài liệu kế toán không thể sao chụp được" theo quy định.

c) Tài liệu kế toán sao chụp không có đầy đủ chữ ký, đóng dấu (nếu có) của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tạm giữ, tịch thu hoặc niêm phong tài liệu kế toán không đúng thẩm quyền quy định;

b) Không lập "Biên bản niêm phong tài liệu kế toán", "Biên bản giao nhận tài liệu kế toán" khi tạm giữ, tịch thu hoặc niêm phong tài liệu kế toán;

c) Không thực hiện ký, đóng dấu theo quy định khi tạm giữ, tịch thu, niêm phong tài liệu kế toán;

d) Không cung cấp tài liệu kế toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện tạm giữ, tịch thu, niêm phong.

Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm tra kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quyết định kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ cho đoàn kiểm tra các tài liệu kế toán liên quan đến nội dung kiểm tra;

c) Không dịch các tài liệu kèm theo chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận của đoàn kiểm tra.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân là thành viên đoàn kiểm tra hoặc tổ chức có thẩm quyền thực hiện kiểm tra kế toán khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kiểm tra kế toán không đúng thẩm quyền quy định hoặc thực hiện kiểm tra kế toán quá thời gian quy định;

b) Thực hiện kiểm tra kế toán khi không có quyết định kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền hoặc không công bố quyết định kiểm tra kế toán theo quy định của pháp luật;

c) Không lập biên bản kiểm tra kế toán khi kết thúc kiểm tra kế toán hoặc biên bản kiểm tra kế toán được lập không đúng theo quy định;

d) Kiểm tra không tuân thủ trình tự, nội dung, phạm vi kiểm tra hoặc không đúng nội dung ghi trên quyết định kiểm tra.

Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức khi thực hiện hành vi vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa tài liệu kế toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng so với thời hạn quy định;

b) Tài liệu kế toán đưa vào lưu trữ không sắp xếp theo trình tự thời gian phát sinh và theo kỳ kế toán năm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lưu trữ tài liệu kế toán không đầy đủ theo quy định;

b) Bảo quản tài liệu kế toán không an toàn, để hư hỏng, mất mát tài liệu trong thời hạn lưu trữ.

c) Sử dụng tài liệu kế toán trong thời hạn lưu trữ không đúng quy định;

d) Không thực hiện việc tổ chức kiểm kê, phân loại, phục hồi tài liệu kế toán bị mất mát hoặc bị hủy hoại.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hủy bỏ tài liệu kế toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định;

b) Không thành lập Hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định khi thực hiện tiêu hủy tài liệu kế toán.

Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê hoặc báo cáo kết quả kiểm kê không có đầy đủ chữ ký theo quy định;

b) Không xác định nguyên nhân chênh lệch; không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán vào sổ kế toán.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức không thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm hoặc không thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp khác theo quy định;

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man kết quả kiểm kê tài sản.

Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thuê tổ chức, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề kế toán hoặc không đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định thực hiện việc cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị;

b) Không thực hiện bổ nhiệm lại kế toán trưởng, phụ trách kế toán theo thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị kế toán; không bố trí người làm kế toán hoặc không thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán theo quy định;

b) Bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán;

c) Bố trí người làm kế toán không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

d) Thực hiện việc bổ nhiệm kế toán trưởng đối với đơn vị không được bổ nhiệm kế toán trưởng theo quy định;

đ) Bổ nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán không đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

e) Không tổ chức bàn giao công tác kế toán khi có thay đổi về người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán;

g) Không thông báo theo quy định khi thay đổi kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ hoặc mua, bán tài sản trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu, doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định;

b) Bố trí người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Thuê người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Bổ nhiệm hoặc thuê người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1; điểm b, c khoản 2; điểm b, c khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện bổ nhiệm theo đúng quy định đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký hoặc không thông báo chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị trong thời hạn quy định đối với trường hợp phải đăng ký hoặc phải thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Áp dụng sai quy định về chữ viết; chữ số; đơn vị tiền tệ hoặc kỳ kế toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi ban hành, công bố chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không đúng thẩm quyền.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm trong việc tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng khi chưa đăng ký với Bộ Tài chính hoặc đã đăng ký nhưng chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Không gửi cho Bộ Tài chính đầy đủ hồ sơ tài liệu trước khi mở khóa học;

c) Tổ chức một lớp học bồi dưỡng kế toán trưởng quá 100 học viên;

d) Tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng trong thời gian quá 6 tháng;

đ) Không thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính nội dung liên quan đến khóa học theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không đảm bảo về nội dung, chương trình và thời gian học cho học viên theo quy định;

b) Sai phạm về việc sử dụng tài liệu bồi dưỡng kế toán trưởng;

c) Lưu giữ hồ sơ liên quan đến khóa học không đầy đủ, không đúng thời gian theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng khi không đủ điều kiện;

b) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng cho người nước ngoài khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Cấp chứng chỉ kế toán trưởng cho học viên không đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

d) Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng cho học viên không phù hợp với kết quả thi;

đ) Quản lý phôi và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng của cơ sở đào tạo không đúng quy định của Bộ Tài chính.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều này.

b) Thu hồi chứng chỉ kế toán trưởng do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm c, d Khoản 3 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM TRONG VIỆC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kế toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên;

b) Sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với đơn vị, tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Báo cáo chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định về kết quả tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Tổ chức lớp học cập nhật kiến thức với số lượng học viên/1 lớp không đúng quy định;

c) Không cấp giấy chứng nhận cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán tham gia cập nhật kiến thức.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Học hộ, điểm danh hộ;

b) Nhờ học hộ, nhờ điểm danh hộ hoặc gian lận khi khai báo giờ cập nhật kiến thức.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đơn vị, tổ chức thực hiện việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề, người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề hoặc người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký hoặc thông báo cho Bộ Tài chính;

b) Bố trí giảng viên giảng dạy lớp cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán không đáp ứng điều kiện theo quy định;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo kết quả tổ chức các lớp cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề hoặc người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

d) Báo cáo không đúng số lượng người tham gia học cập nhật kiến thức hoặc báo cáo không đúng số giờ cập nhật của kế toán viên hành nghề hoặc người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán; không tổ chức lớp nhưng báo cáo có tổ chức lớp;

đ) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề hoặc người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán nhưng thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

e) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị, tổ chức thực hiện việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối

với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi;

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chứng chỉ kế toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ kế toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kế toán viên của mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kế toán viên, chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của kế toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không trung thực các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:

a) Kê khai không đúng thực tế để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

b) Giả mạo, khai man về bằng cấp trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật khi cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán trong thời gian từ 01 đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kế toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp kiểm toán viên hành nghề khi hành nghề dịch vụ kế toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này thì không được hành nghề dịch vụ kế toán từ 01 đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 01 đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này thì không được hành nghề dịch vụ kế toán từ 01 đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán không đầy đủ, an toàn, để hư hỏng, mất mát hồ sơ dịch vụ kế toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ.

2. Không thực hiện lưu trữ hồ sơ dịch vụ kế toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán:

a) Kê khai không đúng thực tế để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi hoặc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán.

b) Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải cấp lại.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không nộp hoặc nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

b) Giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

c) Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải cấp lại.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện hành vi cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Mục 6

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN, CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kế toán của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nhưng không làm thủ tục xóa cụm từ *"dịch vụ kế toán"* theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán vẫn tiếp tục kinh doanh các dịch vụ kế toán khi đã chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ kế toán hoặc hành nghề dịch vụ kế toán khi chưa đủ điều kiện theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới khi không duy trì đủ một trong các điều kiện theo quy định;

c) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam (nếu đã được cấp Giấy chứng nhận) trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại toàn bộ số thu bất hợp pháp từ việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức thanh toán và chuyển tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới không thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thông qua tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật về ngoại hối của Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không giao kết hợp đồng dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam không đảm bảo theo phương thức quy định.

2. Phạt tiền từ 30.00.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài không đủ điều kiện theo quy định để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới cho các tổ chức, đơn vị tại Việt Nam.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực có hiệu lực đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài khi cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt cảnh cáo đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp báo cáo tài chính của năm trước liền kề cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Nộp văn bản nhận xét, đánh giá của cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ kế toán nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đóng trụ sở chính cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hoặc nộp báo cáo tài chính của năm trước liền kề cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Không nộp hoặc nộp văn bản nhận xét, đánh giá của cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ kế toán nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài đóng trụ sở chính cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Báo cáo không kịp thời, báo cáo không đầy đủ theo mẫu quy định tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam;

d) Không thực hiện nghĩa vụ khác của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán của Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm, các trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không trung thực tình hình thực hiên hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực có hiệu lực đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi liên danh với doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu trữ toàn bộ hồ sơ dịch vụ kế toán của hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không kịp thời cho cơ quan chức năng hồ sơ của hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam khi được yêu cầu;

c) Không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, không kịp thời với các cơ quan chức năng về báo cáo kế toán, hồ sơ dịch vụ kế toán và các vấn đề khác phát sinh từ hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam;

d) Không thực hiện báo cáo tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới theo quy định;

đ) Không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán đối với các hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 06 tháng 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 8

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO

Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hộ kinh doanh dịch vụ kế toán thông báo cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật kế toán.

2. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật kế toán;

b) Nộp báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc báo cáo tình hình hoạt động năm trước liền kề cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hộ kinh doanh dịch vụ kế toán không thông báo hoặc thông báo cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật kế toán.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thông báo hoặc thông báo cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật kế toán.

b) Không nộp hoặc nộp báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc báo cáo tình hình hoạt động năm trước liền kề cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kế toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo đối với kế toán viên hành nghề thực hiện thông báo hoặc báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Bộ Tài chính không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kế toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kế toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kế toán viên hành nghề không thông báo hoặc thông báo cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kế toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kế toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.

Mục 9

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

3. Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

Chương III

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM TRONG VIỆC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi quy định Điểm b Khoản 1.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không trung thực các thông tin, tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man các tài liệu trong hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập;

c) Đăng ký hành nghề kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán nhưng thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán đó.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi đăng ký hành nghề kiểm toán cho kiểm toán viên tại đơn vị mình nhưng thực tế kiểm toán viên đó không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại đơn vị mình.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi quy định Điểm c Khoản 2.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận tự tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên của doanh nghiệp mình (gọi chung là tổ chức) thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Không theo dõi, điểm danh đối với học viên tham gia học cập nhật;

c) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học việc trên Phiếu đánh giá chất lượng lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

đ) Tổ chức lớp học cập nhật kiến thức với số lượng không đúng quy định;

e) Thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học hoặc thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

g) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Học hộ, điểm danh hộ;

b) Nhờ học hộ, nhờ điểm danh hộ hoặc gian lận khi khai báo giờ cập nhật kiến thức.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký với Bộ Tài chính;

b) Bố trí giảng viên giảng dạy lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đáp ứng điều kiện theo quy định;

c) Không nộp hoặc nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

d) Không thông báo, thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định; hoặc không thông báo hoặc thông báo cho Bộ

Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

đ) Không nộp hoặc nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

e) Báo cáo không trung thực, không chính xác kết quả tổ chức các lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên theo quy định;

g) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

h) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức kiểm toán viên theo quy định;

i) Kê khai không trung thực, giả mạo, khai man hồ sơ để được chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện việc cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điểm e, Điểm g, Điểm h Khoản 3, Khoản 4 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tổ chức đó đang được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên) từ lần thứ hai trở đi;

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2, Khoản 4 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 40. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ để đủ điều kiện được Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

Điều 41. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi.

b) Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp hoặc nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi;

b) Không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi phải điều chỉnh theo quy định;

c) Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN, CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 42. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng không làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định nhưng sử dụng cụm từ "kiểm toán" trong tên gọi.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, đối với doanh nghiệp vẫn tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi đã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 hoặc Khoản 4 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp đó đang là doanh nghiệp kiểm toán) từ lần thứ hai trở đi.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Mục 6

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 43. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng với quy định của Bộ Tài chính.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Điều 44. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 45. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán không đầy đủ các nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán khi thực hiện kiểm toán.

Điều 46. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

Điều 47. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;

b) Ký báo cáo kiểm toán quá ba năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán;

c) Thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán mà ý kiến kiểm toán không phù hợp với quy định của chuẩn mực kiểm toán và các quy định pháp luật có liên quan theo kết quả kiểm tra hoặc kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Phát hành báo cáo kiểm toán mà ngày ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính;

c) Lập báo cáo kiểm toán không có đầy đủ chữ ký của kiểm toán viên hành nghề theo quy định;

d) Không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, kịp thời về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;

b) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán quá 3 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử

phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 2 và Điểm a Khoản 4 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÍNH ĐỘC LẬP

Điều 48. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập của thành viên tham gia cuộc kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua, nhận biếu tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

b) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

c) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản tiền dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;

d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

đ) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán;

e) Thực hiện thu nợ cho đơn vị được kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán;

c) Thực hiện kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân;

b) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;

c) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Mục 8

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 49. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán trong các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp và các công việc kiểm toán khác theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật khác có liên quan.

Điều 50. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính chậm hơn so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính khi thực hiện kiểm toán.

Điều 51. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, kịp thời về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a. Từ chối hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán;

b) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

c) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán;

d) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

đ) Cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này.

Mục 9
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ KIỂM TOÁN

Điều 52. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử

phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 53. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán không đầy đủ, an toàn, để hư hỏng, mất mát hồ sơ kiểm toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ.

2. Đưa hồ sơ kiểm toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán.

3. Không thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

4. Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

5. Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục về lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

Điều 54. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quyết định tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không đúng thẩm quyền;

b) Tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không thành lập hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp, thủ tục tiêu hủy và không lập danh mục hồ sơ kiểm toán tiêu hủy, không lập biên bản tiêu hủy hồ sơ kiểm toán hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc hủy bỏ hồ sơ kiểm toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định hoặc cố ý làm hư hỏng hồ sơ kiểm toán.

Mục 10

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG

Điều 55. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở,

lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận không báo cáo hoặc báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

Điều 56. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận;

b) Tiếp tục thực hiện các hợp đồng kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo khác đã ký hoặc ký thêm các hợp đồng mới với đơn vị có lợi ích công chúng khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

c) Tiếp tục thực hiện các hợp đồng kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo khác đã ký hoặc ký thêm các hợp đồng mới với đơn vị có lợi ích công chúng khi không đăng ký thực hiện kiểm toán hoặc có đăng ký nhưng không được chấp thuận trừ các trường hợp được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khi thuộc một trong các trường hợp không được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét khi doanh nghiệp kiểm toán chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều này.

Điều 57. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bản báo cáo minh bạch khi công bố không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền;

b) Thực hiện công bố thông tin trong báo cáo minh bạch hoặc cập nhật các thông tin thay đổi chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định;

b) Công bố và cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Công bố sai lệch thông tin trong báo cáo minh bạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin đã công bố sai lệch.

Điều 58. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau để được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề nghị chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ đề nghị chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 59. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện một trong các hành vi sau:

1. Không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Không tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận khác đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính khi báo cáo tài chính đó đã được một doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.

4. Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận so với năm trước liền kề và lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán (nếu có).

5. Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình khi phát hiện kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.

6. Không giải trình, cung cấp hoặc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu không đúng sự thật liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 60. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đã thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng nay giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó mà thời gian kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán đến ngày giữ các chức vụ này dưới mười hai tháng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 4 năm tài chính liên tục.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính quá 4 năm tài chính liên tục.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 4 năm tài chính liên tục.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

Mục 11

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 61. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

b) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới khi không duy trì đủ một trong các điều kiện theo quy định.

c) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam (nếu đã được cấp Giấy chứng nhận) trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại toàn bộ số thu bất hợp pháp từ việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 62. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức thanh toán và chuyển tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thông qua tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật về ngoại hối của Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

b) Liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

c) Không giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

d) Hợp đồng kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, của doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam và của đơn vị được kiểm toán.

đ) Không lập hợp đồng liên danh về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

e) Hợp đồng liên danh không phân định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài và doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

g) Không cử kiểm toán viên hành nghề phụ trách phần việc kiểm toán thuộc trách nhiệm của mỗi bên theo quy định.

h) Báo cáo kiểm toán không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, của doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam và các kiểm toán viên hành nghề phụ trách phần việc kiểm toán thuộc trách nhiệm của từng doanh nghiệp trong hợp đồng đồng kiểm toán.

i) Hợp đồng kiểm toán, hợp đồng liên danh, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán không lập đồng thời bằng cả hai ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam thực hiện:

a) Liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ qua biên giới khi không bảo đảm đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định;

b) Liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài không đủ điều kiện theo quy định để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới cho các tổ chức, đơn vị tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 63. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập và văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác của doanh nghiệp chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hoặc nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập và văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác của doanh nghiệp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Báo cáo không kịp thời, báo cáo không đầy đủ theo mẫu quy định tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam;

c) Thông báo chậm trên 15 ngày cho Bộ Tài chính khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

d) Không thực hiện nghĩa vụ khác của doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập của Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm, các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập của Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không trung thực tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam;

d) Không cử người có trách nhiệm, đại diện cho doanh nghiệp báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam liên quan đến hợp đồng kiểm toán, hồ sơ kiểm toán, báo cáo kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ qua biên giới tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng

đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 64. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu trữ toàn bộ hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh.

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không kịp thời cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu.

c) Không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, không kịp thời với các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

d) Không thực hiện báo cáo tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

e) Không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Mục 12

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO

Điều 65. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Điều 26 Luật kiểm toán độc lập;

b) Không thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu cho Bộ Tài chính về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài;

c) Nộp cho Bộ Tài chính Tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

d) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

đ) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi danh sách kiểm toán viên hành nghề đã đăng ký với Bộ Tài chính kể cả thay đổi giữa trụ sở chính với các chi nhánh hoặc giữa các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán;

e) Nộp cho Bộ Tài chính toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định bản sao hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian mới của kiểm toán viên hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp hợp đồng lao động hết thời hạn và kiểm toán viên hành nghề vẫn tiếp tục hành nghề tại doanh nghiệp kiểm;

g) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định kèm theo bản sao hợp đồng lao động mới ký kết với kiểm toán viên khi có thay đổi về thời gian làm việc quy định tại hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian trong hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề;

h) Báo cáo Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

i) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

k) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình hoạt động năm chậm khoogn quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

l) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc thông báo bằng văn bản khi hoạt động trở lại cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

m) Nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính hoặc thông báo cho khách hàng (đơn vị được kiểm toán) và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

n) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thông báo hoặc thông báo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Điều 26 Luật kiểm toán độc lập;

b) Không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính Tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên;

c) Không thông báo hoặc thông báo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo quy định của pháp luật;

d) Không thông báo hoặc thông báo chậm quá trên 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính khi có thay đổi danh sách kiểm toán viên hành nghề đã đăng ký với Bộ Tài chính kể cả thay đổi giữa trụ sở chính với các chi nhánh hoặc giữa các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán;

đ) Không nộp hoặc nộp cho Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định bản sao hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian mới của kiểm toán viên hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp hợp đồng lao động hết thời hạn và kiểm toán viên hành nghề vẫn tiếp tục hành nghề tại doanh nghiệp kiểm toán;

e) Không thông báo hoặc thông báo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính kèm theo bản sao hợp đồng lao động mới ký kết với kiểm toán viên khi có thay đổi về thời gian làm việc quy định tại hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian trong hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề;

g) Không báo cáo hoặc báo cáo Bộ Tài chính chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

h) Không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu cho Bộ Tài chính;

i) Không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính;

k) Không thông báo hoặc thông báo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc khi hoạt động trở lại cho Bộ Tài chính;

l) Không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính hoặc không thông báo hoặc thông báo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho khách hàng (đơn vị được kiểm toán) và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

m) Thông báo chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán nêu không đầy đủ nội dung theo quy định;

n) Không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 66. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thanh đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán;

g) Có yêu cầu của Bộ Tài chính cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề không thông báo, báo cáo hoặc thông báo, báo cáo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán;

g) Có yêu cầu của Bộ Tài chính cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

Mục 13

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 67. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập chậm không quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Không nộp hoặc nộp chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 15 ngày so với thời hạn quy định hoặc báo cáo không đầy đủ theo yêu cầu khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập;

d) Không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.

b) Không xây dựng các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán.

c) Không tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.

d) Không thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán.

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm so át chất lượng kiểm toán.

e) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán;

g) Không bố trí kiểm toán viên hành nghề và những người có trách nhiệm liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra;

h) Không ký báo cáo kết quả kiểm tra ngay khi kết thúc cuộc kiểm tra.

Điều 68. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề có từ 01 đến 03 hồ sơ kiểm toán có kết quả kiểm tra xếp loại 3 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu" hoặc có 01 hồ sơ kiểm toán có kết quả kiểm tra xếp loại 4 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng".

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề có từ 04 hồ sơ kiểm toán có kết quả kiểm tra xếp loại 3 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu" hoặc có từ 02 hồ sơ kiểm toán có kết

quả kiểm tra xếp loại 4 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng".

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề có từ 04 hồ sơ kiểm toán có kết quả kiểm tra xếp loại 3 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu" hoặc có từ 02 hồ sơ kiểm toán có kết quả kiểm tra xếp loại 4 "Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng" qua hai lần kiểm tra liên tiếp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Chương IV

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 69. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Người có thẩm quyền lập biên bản hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Nghị định này.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan công an nhân dân, sĩ quan quân đội nhân dân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, hoạt động nghề nghiệp kế toán; thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm toán, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, hoạt động nghề nghiệp kiểm toán khi đang thi hành công vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

Điều 70. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán

1. Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán có thẩm quyền phạt cảnh cáo đối với cá nhân và tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

2. Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát kế toán, kiểm toán (người có chức danh cấp vụ, cục) có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 70.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán theo quy định của Nghị định này và theo quy định của pháp luật khác có liên quan;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 71. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tài chính

1. Thanh tra viên tài chính các cấp có quyền xử phạt cảnh cáo đối với cá nhân và tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

Điều 72. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thi hành Nghị định này.

Điều 74. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2018.

Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực như sau:

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được áp dụng; đối với hành vi xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập để giải quyết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu : VT, KTTH (5b).

Nguyễn Xuân Phúc